

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 25/2022/DS-ST

Ngày: 15 - 9 - 2022

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Đinh Gia Bảo;
Bà Lương Lê Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 30/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1953

Địa chỉ: xã Diên Phước, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Ông Hùng có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thùy T – sinh năm 1970

Ông Lê H – sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: xã Diên Đồng, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bà T, ông H vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2022, biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2022, biên bản hòa giải ngày 12/7/2022, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 19/6/2020 vợ chồng ông Lê H và bà Nguyễn Thùy T có mượn ông số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), hẹn 03 tháng sau sẽ trả, vay mượn không có lãi. Các bên có viết giấy tay thể hiện việc vay mượn tiền, bà T, ông H cùng ký vào giấy vay tiền. Nhưng đến hạn vợ chồng bà T, ông H không trả

tiền cho ông. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông H, bà T trả cho ông số tiền gốc 15.000.000 đồng; tiền lãi 17 tháng, lãi suất 1,5%, cụ thể $15.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\% \times 17 \text{ tháng} = 3.825.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng lãi và gốc là 18.825.000 đồng (mười tám triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Đến ngày 03/11/2021, bà T và ông H tiếp tục đến gặp ông mượn số tiền 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng), hẹn trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) từ ngày 03/11/2021 đến ngày 03/9/2023 sẽ hết nợ. Việc mượn lần 02 cũng có viết giấy nhận nợ nhưng chỉ có bà T ký vào giấy mượn tiền. Từ khi mượn đến nay vợ chồng bà T, ông H chưa trả cho ông đồng nào.

Nay ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H trả cho ông một lần dứt điểm tổng số tiền 02 lần vay là 40.825.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó nợ gốc của 02 lần vay là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng); tiền lãi của số tiền vay 15.000.000 đồng là 3.825.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H đang sinh sống tại địa phương, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T, ông H vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Toà án tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để làm cơ sở giải quyết vụ án.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 40.825.000 đồng; Trong đó nợ gốc là 37.000.000 đồng, nợ lãi là 3.825.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn án tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. (có bài phát biểu chi tiết kèm theo hồ sơ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục: Bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H trả lại số tiền còn nợ vay 02 lần của ông là 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng) nợ gốc và 3.825.000 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nợ lãi. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thùy T, ông Lê H trả lại số tiền nợ 02 lần vay của ông là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) nợ gốc, các bên có lập giấy vay tiền và ký tên; yêu cầu của ông Nguyễn Văn H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự

năm 2015. Đối với yêu cầu lãi suất số tiền 3.825.000 đồng là yêu cầu hợp lệ nên chấp nhận.

[4] Về nội dung tranh chấp: Ngày 19/6/2020 ông Nguyễn Văn H có cho bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H vay với số tiền là: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng. Ngày 03/11/2020 ông Nguyễn Văn H tiếp tục có cho bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H vay với số tiền là: 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), đến ngày 03/9/2023 là hết nợ. Việc vay mượn các bên có giấy xác nhận nợ, vì vậy đây là giao dịch hợp pháp nên cần được công nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H như sau:

Việc bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H vay ông Nguyễn Văn H tổng số tiền 37.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền nên đây là giao dịch hợp pháp. Tuy nhiên, vợ chồng ông H, bà T không trả nợ đúng hạn nên đã vi phạm thỏa thuận vay tiền. Căn cứ vào giấy vay tiền, lời khai của nguyên đơn, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện việc vay tiền là phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn H. Đối với bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp pháp các văn bản tố tụng theo quy định, điều đó chứng tỏ bà T, ông H đã nhận biết được các giấy tờ của Tòa án về nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn H yêu cầu ông H và bà T trả số tiền 40.825.000 đồng, gồm 37.000.000 đồng nợ gốc và 3.825.000 đồng nợ lãi nhưng bà T và ông H không đến Tòa. Do vậy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H trả số tiền là 40.825.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) gồm 37.000.000 đồng nợ gốc và 3.825.000 đồng tiền lãi là phù hợp và có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 40.825.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) gồm 37.000.000 đồng nợ gốc và 3.825.000 đồng tiền lãi.

[6] Án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền phải trả là 40.825.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Số tiền án phí bị đơn phải chịu là: $40.825.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.041.250$ đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng), hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 35; Điều 39 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Buộc bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 40.825.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó gồm 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng) nợ gốc và 3.825.000 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nợ lãi.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H phải chịu 2.041.250 đồng (Hai triệu không bốn mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H 1.020.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/00077xx ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh.

3. Quy định:

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thùy T và ông Lê H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Đức Thuận